LIÊN HOA

NGUYỆT-SAN

ÁO-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PHẦN XUẤT-BẢ

G MƯỜI MỘT MẬU-TUẤT NĂM THỨ TƯ SỐ 11

LIÊN-HOA

NGUYỆT-SAN

MỤC LỤC SỐ 11

RẰM THÁNG 11 MẬU-TUẤT

ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ	THÍCH-THIỆN-CHÂU
PHƯƠNG PHÁP BẤT BẠO ĐỘNG	NGUYỄN-THÁI
VOI TRUNG NGHĨA	QUẢNG-HUỆ
CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT CỦA...	NHƯ-KHÁNH
PHÁT NGUYỆN TU HÀNH	HOÀI-TỊNH
ĐẠO TÌNH	NGUYỄN-ÁI-HIỀN
DIỄN VĂN CỦA ĐẠI BIỂU TRƯỜNG HÀM-LONG	
NHÌN PHẬT GIÁO QUA MẮT KHOA-HỌC	UÔNG TRÍ-BIỀU
TIN TỨC	LIÊN-HOA

BÌA DO HỌA-SĨ **PHẠM-ĐĂNG-TRÍ** *TRÌNH BÀY*

ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ

« NAM-Mô A-Di-Đà-Phật » là câu thần chú luyện tâm của người Phật-Tử. Từ thành thị đến thôn trang, trong tự viện cũng như ngoài quần chúng, nơi đâu chúng ta cũng thấy được hình bóng Từ-Bi, Thanh-Tịnh của đức Giáo-Chủ thế-giới Cực-Lạc.

Ngài là một vị Phật có nhiều duyên cảm với chúng ta nhất. Không những hộ niệm cho chúng ta trong cuộc sống hiện tại mà Ngài còn là một đấng Đạo-sư sẵn-sàng tiếp dẫn chúng ta về nơi Cực-Lạc khi chúng ta từ giã cõi đời ô trược nầy.

Mười bảy tháng mười một này là ngày kỷ-niệm Ngài. Để được giao cảm hoàn toàn trong những giờ phút hành lễ chúng ta hãy thành kính đọc lại những đức-tánh siêu việt trong danh hiệu và ôn lại những hạnh nguyện vĩ-đại của Ngài: « Trong

kinh A-Di-Đà đức Bổn-sư dạy Ngài Xá-Lợi-Phất: Đức Phật ấy vì sao gọi là A-Di-Đà? Nầy Xá-Lợi-Phất, đức Phật ấy hào quang sáng chói vô lượng chiếu suốt mười phương không bị chướng ngại nên gọi là A-Di-Đà, Đức Phật ấy và nhân-dân trong nước của Ngài thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng kỳ kiếp nên gọi là A-Di-Đà». Căn cứ theo sự giải thích ấy thì danh hiệu A-Di-Đà có nghĩa là vô lượng quang và vô lượng thọ.

Đức Phật A-Di-Đà không ở trong kiếp hiện tại nên lịch-sử và hạnh nguyện của Ngài không thể nghiên-cứu như lịch-sử của đức Bổn-Sư. Chính đức Bổn-Sư đã kể lại cho chúng ta rất nhiều giai đoạn lịch sử và công hạnh của Ngài trong các kinh như kinh Pháp-Hoa, Bi-Hoa, Vô-Lượng-Thọ, Nhất-Hướng-Xuất-Sanh Bồ-Tát v.v... Nhưng chúng ta chỉ cần nhớ lịch sử nổi bậc nhất trong một kiếp tiền thân của Ngài là đủ. Kinh Đại-Bản A-Di-Đà chép: «Một hôm, nhơn thấy dung nhan của đức Bổn-sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật tươi tắn sáng rỡ khác hẳn ngày thường, Tôn giả A-Nan bèn ra lễ Phật rồi bạch hỏi duyên cớ.

Đức Bổn-sư tán thán lời bạch hỏi nầy công đức lớn hơn công đức cúng dường vô lượng vị Thanh-văn cùng Duyên-giác, và cũng lớn hơn công đức bố thí cho vô lượng hàng chư thiên, nhơn dân, cầm súc, trong nhiều kiếp. Vì chư thiên nhơn dân, cầm súc, đều nhờ lời bạch hỏi nầy mà được đạo pháp giải thoát.

Rồi đức Bổn-sư cho biết rằng, hôm nay Ngài đang nghĩ đến bổn sự, bổn nguyện và bổn hạnh của Đấng Giáo-Chủ thế-giới Cực-Lạc, Đức-Phật A-Di-Đà.

— Vô lượng vô số kiếp về trước nhằm lúc đức Thế-Tự-Tại-Vương Như-Lai xuất thế giáo-hóa chúng sanh, có một quốc

vương nghe đức Phật thuyết-pháp lòng rất vui thích, liền phát Bồ-đề tâm, từ bỏ ngai vàng xuất-gia làm Sa-Môn hiệu là Pháp-Tạng.

Sa-Môn Pháp-Tạng đến đảnh lễ Phật Thế-Tự-Tại-Vương, và sau khi ca ngợi đức Phật, người cần cầu đức Phật truyền dạy công hạnh trang nghiêm tịnh độ nhiếp thủ chúng sanh để người y theo tu hành.

Rõ biết Sa-Môn là bậc cao minh, chí nguyện sâu rộng, đức Phật Thế-Tự-Tại-Vương vì Sa-Môn Pháp-Tạng mà giảng nói y báo và chánh báo của hai trăm mười ức thế giới, đồng thời lại hiện tất cả ra cho thấy.

Khi nghe và được thấy y báo chánh báo trang-nghiêm của các quốc độ xong, Sa-Môn Pháp-Tạng khởi tâm nguyện thù thắng vô thượng. Rồi trong thời gian năm kiếp, người suy ngẫm chọn lấy công hạnh để trang nghiêm thanh-tịnh Phật độ. (Bổn sư nói với A-Nan: thời kỳ ấy đức Phật thọ 10 kiếp).

Khi tu tập xong, Sa-Môn Pháp-Tạng đến đảnh lễ đức Thế-Tự-Tại-Vương Như-Lai, và cầu đức Phật chứng giám cho người thuật 48 điều đại nguyện mà người đã lập thệ quyết thực hiện để tiếp độ tất cả chúng sanh.

Lúc Pháp-Tạng Bồ-Tát đối Đức Phật Thế-Tự-Tại-vương thuật 48 đại nguyện xong, thời khắp cõi đất đều rúng động, hoa báu mưa xuống trên mình người và giữa hư không tự nhiên tiếng nhạc vang lừng: « Quyết chắc sẽ thành Phật ».

Sau đó trải qua vô lượng kiếp, Pháp-Tạng Bồ-Tát tu hành thực hiện hoàn toàn các điều nguyện trên, và người đã thành Phật đến nay được 10 kiếp hiệu là A-Di-Đà, hiện đang ngự thuyết pháp tại Cực-Lạc thế giới cách đây mười muôn ức cõi về hướng tây.

Về hạnh nguyện của Ngài thì nội dung 48 đại nguyện cho chúng ta thấy tình thương của Ngài đối chúng sanh thật là bao la vô hạn và đặc biệt nhất là Ngài đã nhận rõ hoàn cảnh xấu xa có ảnh hưởng rất không tốt cho sự hướng thiện của chúng sanh nên Ngài canh cánh bên lòng ý nguyện tu tạo một thế giới Cực-Lạc để tiếp dẫn và giáo-hóa chúng sanh. Ngài muốn cho chúng sanh được vĩnh viễn sống trong hoàn cảnh an vui. thanh tịnh để chóng thành đạo quả giải-thoát, giác-ngộ.

Sau khi phát 48 đại nguyện, Ngài kiên nhẫn, tinh tấn vượt qua tất cả những trở ngại khó khăn và tu tập tất cả công hạnh lợi tha trải qua vô lượng kiếp số để thực hiện cho kỳ được. Và kết quả là Ngài đã hoàn thành được những đại nguyện ấy.

Chắc quí vị cũng như chúng tôi, sau khi hiểu nghĩa danh hiệu nhớ rõ lịch-sử và hạnh nguyện của Ngài, chúng ta cảm thấy lòng tin của chúng ta được thêm kiên cố và đồng nguyện tinh tấn tu tập theo pháp môn Tịnh-Độ. Pháp môn nầy rất giản dị, tất cả căn cơ đều có thể thực hành và chắc chắn sẽ được kết quả mau chóng. Tổ-sư đã dạy: « Pháp môn Tịnh-Độ là con đường tắt trong con đường tắt ». Đức Phật cũng đã huyên ký « Thời mạt pháp muôn ức người tu hành khó có người giải thoát chỉ nương theo pháp môn niệm Phật mới thoát khỏi luân hồi » (kinh Đại-Tập) Pháp-môn Tịnh-độ dạy chúng ta những phương pháp tưởng nhớ đức Phật A-Di-Đà bằng cách chấp trì danh hiệu công đức, quán tưởng hình tướng trang nghiêm, và tu theo những đức tánh từ-bi hỷ xả để thực hiện một cảnh giới yên vui thanh tịnh ngay trong cõi đời ô trược, và sau khi chết được thác sanh vào thế giới Cực-Lạc ở Tây phương mà đức Phật A-Di-Đà đang làm giáo chủ.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

THIỆN-CHÂU

PHƯƠNG-PHÁP BẤT BẠO-ĐỘNG

HAY

BƯỚC TIẾN CỦA HÒA-BÌNH

Chưa lúc nào bằng lúc nầy, người ta lợi dụng danh từ Hòa-bình để thỏa mãn cho nhu cầu chính-trị. Và cũng chưa lúc nào bằng lúc nầy con người chợt ý-thức một cách rõ ràng về quan-niệm Hòa bình, dù họ ở trong một hoàn cảnh gay-go hay chèn ép dưới các chính thể độc tài, để chồm hẳn dậy nói cái khát vọng sự tự do và an lạc cho tinh thần.

Gạt ra ngoài những hình-thức hòa bình chân giả và lợi dụng người ta còn thấy nhiều tin tưởng và hy vọng ở những lớp người thành tâm làm việc cho sự kết thành một xã hội công bình và bác ái, dù trên các báo mọi ngày luôn luôn nhắc nhở đến những vụ nổ thử bom nguyên-tử, những hiểm họa của chiến tranh, những sự căng thẳng về mọi tranh chấp lợi quyền kinh tế. Đọc một ít báo, nghe những tin chính trị, con người không khỏi giật nẩy mình, lo sợ cho một cuộc tàn sát kinh khủng man rợ mạng danh là chiến-tranh thứ ba xảy đến, không khỏi thấy ngày mai vần vũ những khói lửa và sự tan biến của loài người thành cát bụi.

Có người nghĩ đến cớ sự như thế mà ngậm ngùi rồi nhắm mắt đưa chân, cay đắng hay bồi hồi trong uất ức cho loài người vô lương tâm, hoặc cố

quên đi để trầm mình vào mọi cay đắng một thời.

Đối lại có một lớp người giận đời và nói lớn : Không ! không thể thế được ! cái tốt, cái đẹp, cái thiện còn đầy cả đấy, không thể nào để cho sự ngu si quái quỷ dày vò, bọp nát. Họ đứng cả lên chống kháng, chống kháng không bằng súng không bằng bom, không bằng chửi rủa vì kinh nghiệm còn nhắc nhở kỳ đại chiến thứ nhất, thứ hai và những ví dụ của lịch-sử : lấy gươm giáo trả lời gươm giáo, hận thù không bao giờ hết, và hận thù chưa hết thì hòa bình không chớm nở. Họ chống kháng bằng một trái tim mỏng manh, song lòng thương rộng lớn, họ chống kháng bằng lòng tin mãnh-liệt vào tương lai hòa bình, bằng sức làm việc kiên tâm và can đảm.

Đấy là số người đang đi tìm lại lý trí của loài người đang đào sâu trong tâm linh ý thức thực sự hòa bình, ý thức không phá hại đồng loại.

Ngoài sự thực hiện văn hóa và cứu tế của tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, người ta còn gặp nhan nhản những tổ chức hòa bình ở khắp các nước Pháp, Bỉ, Thụy-sĩ, Hòa-Lan, Áo, Đức, Anh, Ý... Những tổ chức Phật-giáo, những tổ-chức công giáo hay những tổ chức tự do...

Sự thực hiện của họ chia làm nhiều loại, đại để như tổ chức kêu gọi sinh viên hoặc mọi tầng lớp tình nguyện đến các nơi bị hủy hoại, hay nghèo khổ để giúp đỡ cất nhà cửa, đường sá ... v.v... (Service civil international do một bác sĩ người Thụy-sĩ đề xướng) ; tổ chức kêu gọi để tiến đến một thế giới liên-hiệp gồm một chính phủ, vì họ quan niệm bao lâu màu da còn phân biệt quốc gia còn phân ranh thì mọi sự tranh chấp, chiến tranh vẫn còn kéo dài mãi (ví dụ tổ chức Mouvement Universel pour une Fédération Mondiale ở Hòa-lan, République des citoyens du Monde ở Anh-cát-lợi...) ; tổ chức liên hiệp các cơ quan phụng sự hòa-bình (như Comité International de Liaison des Organisations pour la Paix ở Thụy-sĩ) tổ-chức sống thành đại gia-đình và giúp đỡ những người nghèo, thành lập làng mới hay huấn luyện nhằm nâng cao dân trí

ở các vùng chậm tiến như Maroc v.v... của Abbé Pierre và còn rất nhiều tổ chức tương tự khắp nơi.

Có điều đáng chú ý là tuy mang nhiều hình thức tổ chức và phương tiện thực hành song tất thảy đều quy vào hai điểm chính:

— Nhắm cứu vãn Hòa bình nhân loại.

— Gây cơ sở trên đạo lý và trên phương pháp « Bất bạo động ».

Những hoạt động cho phương pháp này đều có thể tìm thấy khắp mọi nơi, như Centre International de coordination pour la Non-violence ở Ý-đại-lợi; đời sống tập thể đại gia-đình Velza de Lasto (ở đây họ sống chung tự lực, gạt bỏ hết mọi cám dỗ của cuộc đời và từ chối khoa học vô lương tâm, theo phương pháp Gandhi), hay nhóm « chung sống trong phương pháp bất bạo động » ở Bỉ ... v.v...

Đi sâu vào mọi tổ chức ấy, từ Pháp sang Bỉ, từ Áo sang Đức từ Anh-cát-lợi sang Hòa-lan, từ Thụy-sĩ sang Ý, chưa bao giờ người ta thấy sự nhất trí cho hòa bình (Hòa bình thật sự tràn đầy chân-thiện-mỹ cho con người) như bây giờ. Và cũng chưa bao giờ người ta nghe nhắc nhở nhiều đến thế về giáo lý sâu xa để thực hiện hòa bình trên nguyên tắc từ bi, không chém giết của Đức Phật, về chủ nghĩa bác ái của Thiên Chúa, tư tưởng hòa bình của Tolstoï và các học giả, và gương mẫu bất bạo động của Gandhi trong sự giải phóng Ấn-Độ. Tất thảy các tầng lớp ý thức, hòa bình trong phương pháp bất bạo động đều hướng về Đông phương để đào sâu nghĩa lý và nhận những món ăn tinh thần.

Một lần diễn thuyết có vị giảng đạo nói rằng: « Tôi đã đi qua hết mọi kinh thành lớn phương Đông, điều mà người phương Đông nói với tôi là: « Đạo Thiên Chúa rất hay ho, đáng cho người ta chiêm ngưỡng tôn thờ, song những sự thực hiện của Tây phương trên đất này làm cho chúng ta nghi ngờ ở đạo lý của họ mà họ là đại biểu »... Rồi diễn viên kêu gọi: « Họ không tin chúng ta nữa, họ khinh miệt chúng ta, chúng ta phải làm gì nếu không là suy nghiệm để sống đúng với

tinh thần bác ái cứu người của Thiên Chúa đã rao dạy ».

Những lời dạy về từ bi, triết lý hòa bình của Đức Phật đều được trích dẫn, thuyết trình hay chép dán lên tường; Những lời tuyên bố, những hoạt động, kết quả của Gandhi đều được giới Tây phương chú tâm tìm kiếm để cấu thành một phương pháp chống đối cho nguy cơ thế giới hiện tại.

Họ không còn làm ngơ hay bĩu môi như những năm trước đây khi nghe nói đến phương pháp bất bạo động mà họ đã tưởng lầm rằng bất bạo động, là sự quỵ thân nạp mạng một cách hèn nhát cho kẻ địch. Họ đã hiểu sự cao thâm của lời Phật dạy : « Lấy hận thù trả hận thù, chẳng hao giờ hết hận thù » hay « Chiến thắng ba quân còn dễ gấp nghìn lần chiến thắng bản thân », họ học tinh khiêm nhường xem thường cuộc đời và thương yêu đồng loại trong lời dạy của Jésus Christ : « Hãy đưa má phải của con cho người ta, khi người ta tát con ở má trái », họ thấm nhuần nguyên tắc bất bạo động của Gandhi đã nói : « Bất bạo động chỉ thành công khi người ta kiên gan và nhẫn-nại, khi người ta vứt đi rồi sự sợ hải. Nếu vì sợ hải để trở thành một kẻ bất bạo động thì thà là bạo động còn hơn, vì như thế chỉ là một kẻ hèn nhát chứ không phải là một kẻ bất bạo động chân chính.

Tất cả các giới đấu tranh cho Hòa bình ở Tây phương đều đang tiến lên chiều ấy. Họ hy vọng ở kết quả chận đứng trận giặc man rợ của khoa học cuồng ngông vô lương tâm. Sự ký tên của hàng chục nhà bác học được giải thưởng Nobel hay các cuộc biểu tình của hàng vạn giáo sư, sinh viên Đức để phản đối chiến tranh nguyên tử, sự kêu gọi hòa bình của các sứ giả tôn giáo, trí thức, nhà văn, khoa học đang lớn tiếng, đã là những bằng chứng tiến bộ hay là sự mớm đầu quả cảm của phương pháp bất bạo động trước những họng súng hay trước bộ mặt lạnh nhạt vô tâm của những kẻ xem nhân loại là trò chơi của đại chiến.

Người ta sẽ nghĩ thế nào nếu Đông phương hay những xứ Phật-giáo không tận năng xử dụng hết mọi tài nguyên tinh thần trong phương pháp bất bạo động để áp dụng vào cuộc thế mới cho sự an lạc của loài người ?

Bruxelles tháng 11-1958

NGUYỄN-THÁI

VOI

TRUNG NGHĨA

Mẩu chuyện đạo
của QUẢNG-HUỆ

Từ kinh thành Ba-la-nại, ngược dòng sông Hằng độ ba bốn ngày đàng, người ta đi đến một khu rừng rậm của dãy Hy-mã-lạp-sơn. Khu rừng già nầy có rất nhiều cây gỗ quý. Ven rừng, bên triền sông, một đám nhà lá san-sát nhau ; đây là một làng nhỏ. Dân làng kể cả đàn ông, đàn bà và trẻ em độ trên vài trăm người. Họ sống về nghề làm gỗ. Họ hạ cây, xẻ ván, ghép thành bè chở về bán tận kinh-thành. Công việc tuy vất vả nhưng họ kiếm được khá tiền để nuôi miệng họ và cả gia-đình.

Một hôm kia, trong lúc mọi người trong làng đang hì hục đốn cây, cưa gỗ trong rừng, họ nghe có tiếng chân thình-thịch bước đến và tiếng rống đau đớn. Rồi một con voi khổng-lồ hiện ra, nhấn bước nặng nhọc trên ba chân. Chân trước bên phải của nó nâng lên khỏi mặt đất, bàn chân sưng húp lên. Nó chậm rãi, nhăn nhắt tiến đến gần các người thợ rừng tỏ ý cầu cứu họ. Thấy dáng điệu hiền lành của voi, một người thợ rừng đến gần, xem xét bàn chân nó. Anh biết là chân voi đạp phải một cây gai nhọn, vết thương đang làm mủ. Cũng khá trầm trọng ; nhưng đối với các người thợ rừng quen sống trong rừng sâu và

từng gặp những tai nạn như thế, họ thấy không khó khăn gì trong việc cứu chữa cho voi. Họ gở gai ra, nặn hết mủ rồi rửa chân voi bằng nước nóng. Họ hái lá, nhai nhỏ, rịt vào vết thương. Voi thấy dễ chịu, nhẹ hẳn đi. Và chỉ còn chờ thời gian là vết thương sẽ lành. Voi gật đầu hai ba lần tỏ vẻ cám ơn rồi từ biệt.

Thời gian qua. Người ta cũng không nhớ câu chuyện trên xảy ra đã bao lâu rồi... Bỗng một hôm, một con voi đi vào giữa đám thợ đang làm việc. Phải rồi! chính là con voi hôm nọ. Nhưng trông nó mập mạp, tươi trẻ hơn hôm trước nhiều. Vết thương ở chân đã lành hẳn rồi. Nó bước mạnh dạn. Nó đến bên người đã cứu chữa cho nó hôm trước và quỳ xuống. Nó tỏ ý muốn giúp đỡ các người thợ rừng để trả ơn họ. Không ai ngờ lại có chuyện như thế. Người ta đứng im xem nó làm gì. Voi đứng dậy, đến bên các cây vừa hạ xong, dùng vòi khuân những thân cây to đem đến chỗ cưa rồi những bó gỗ từ trại cưa đến bờ sông. Sức khỏe của nó thật kinh khủng. Nó làm một cách gọn gàng công việc của vài mươi người. Thế là từ đó, trong đoàn thợ gỗ có thêm một năng lực vô cùng dồi dào và chen vào trong tiếng cưa, tiếng búa đốn cây, lâu lâu lại có tiếng voi rống trầm hùng, vui vẻ...

Năm, tháng trôi đi, sức khỏe của voi không còn như buổi mới đến. Các người thợ rừng cũng thấy rõ điều ấy nên không để voi làm nhiều. Cho đến một hôm, voi thấy không thể tiếp tục công việc nặng nhọc được nữa, nó cúi chào mọi người rồi đi lần vào rừng sâu. Ai cũng thương nó đã giúp quá nhiều cho họ.

Nhưng đến chiều, voi lại trở về và dẫn theo một con voi trẻ đẹp. Đây là con voi con, chịu tuân theo lời cha, đến đây để thay thế cha nó mà trả ơn cho các người thợ rừng. Thật là cảm động. Nhiều người thợ rừng đã rưng rưng nước mắt.

Voi con tiến đến gần. Lông nó trắng như tuyết. Đôi mắt voi sáu, hiền lành và cương quyết. Toàn thân voi

như thoát lên một oai lực làm mọi người kinh nể. Đích rồi ! Voi con là một voi chính-thống. Cũng cần phải nhớ rằng đời xưa, voi chính thống có một thế lực lạ thường trong các trận chiến tranh. Sức khỏe nó, hơi hám nó có thể trong phút chốc làm tan rã bao đàn voi của địch quân để đem lại sự thắng lợi chắc chắn cho chủ nó.

Voi con làm tất cả công việc trước đây cha nó đã làm cả ngày. Voi hết sức giúp đỡ các người thợ rừng rồi đến chiều voi trở về làng chơi đùa với bọn trẻ con sau khi đã tắm rửa sạch-sẽ. Mọi người vì thế đều thương mến và kính phục voi.

Có một điều lạ là tuy có nhiều lúc phải lặn-lội ngoài sông nhưng không bao giờ voi đại tiện bừa bãi trong dòng nước. Những đống phân của voi khi nào cũng tìm thấy ở nơi cao, kín đáo.

Nhưng cuộc đời không luôn bình thường như thế. Có một lần trời mưa to suốt ba ngày. Nước sông Hằng dâng lên ngập cả một vùng. Nhiều bè gỗ bị nước cuốn trôi phăng. Dân làng bị thiệt hại nhiều. Và đến khi nước rút xuống, nước cũng đã cuốn theo các đống phân voi. Những đống phân to này lềnh bềnh trôi đi và một tình cờ đưa đạt vào bờ, trong một đám lau gần kinh-thành Ba-la-nại. Chỗ này lại là chỗ bầy voi của nhà vua thường tắm.

Khi trời nắng ráo lên, bọn quản tượng nhà vua, lại dẫn voi đi tắm. Đến nơi, cả bầy voi năm trăm con cùng nhận ra một mùi đặc biệt, mùi của con voi chính-thống, một con voi chúa. Cả bầy voi dừng lại, không con nào dám xuống nước. Rồi bỗng chúng sợ hoảng lên, dựng thẳng đuôi, cắm đầu chạy trốn mặt sức cho bọn quản-tượng tìm hết cách trấn tĩnh chúng, không ai hiểu nguyên do lạ kỳ này. Sau cùng, nhờ kinh-nghiệm của một lão quản-tượng cao-niên, họ dự đoán rằng: « Tất trong nước sông có điều gì khác thường. » Theo ý đó, người ta tìm tòi và thấy được trong đám lau vật « quý báu » trên kia. Điều này đã làm họ nghiệm rằng trên dãy rừng Hy-mã-lạp-sơn phải có một con voi chính-thống. Họ tâu lên nhà

vua điều nhận xét của họ. Vua Ba-la-nại mừng rỡ vô cùng. Ngài truyền lệnh chuẩn-bị thuyền lương để vượt ngược sông Hằng.

Nhà vua đã mất công tìm kiếm nhiều ngày ròng rã. Mãi đến hôm kia nhà vua đến làng của đoàn thợ rừng đông đảo. Nghe vua đến, mọi người đều nghỉ tay, cùng với vợ con họ và voi ra bờ sông để đón tiếp. Có người đã nói với vua: « Tâu bệ hạ! Nếu ngài cần dùng đến gỗ, cần dùng đến chúng con thì không phiền gì ngài phải đến đây, nhọc thân ngài. Chỉ cần có lệnh của ngài là chúng con sẽ đích thân mang đến tận tay ngài những điều gì ngài muốn. »

Nhà vua không trả lời, chỉ đăm đăm nhìn voi. Nhà vua ngắm kỹ làn trắng tinh bạch của lông voi, đôi mắt kiên quyết lạ thường của voi. Một lúc sau, vua quay lại các người thợ, nói với họ: « Điều ta muốn đòi hỏi ở các ngươi không phải là gỗ rừng mà chính là con voi đang đứng đàng kia. »

Dân làng ngơ ngác. Nhà vua thiếu gì voi mà phải băng rừng tìm cho được con vật khuân gỗ của họ. Dâng voi cho nhà vua? Họ thấy thương tiếc rẻ cái công sức mà voi đã giúp họ, nhưng họ mến thương cái lòng trung-nghĩa của voi. Tuy vậy họ cũng không dám trái ý vua. Riêng đám trẻ con thì tỏ vẻ không bằng lòng. Chúng nghĩ đến những buổi chiều trèo lên mình voi, đùa dỡn với voi và chúng muốn khóc rống lên.

Mọi người quay nhìn về phía voi đang đứng im không nhúc nhích. Nó còn món nợ ân nghĩa phải trả đối với người thợ rừng. Vua dò được ý voi và hỏi thăm dân làng. Biết được câu chuyện đầu đuôi, nhà vua càng tỏ ý khâm phục voi hơn nữa. Rồi nhà vua sai khuân vác lương-thực dưới thuyền để thưởng tặng cho toàn-thể dân làng, tặng cho mỗi người đàn bà hai đồng để sắm áo quần, nói là để trả ơn thay cho voi. Nhưng voi chưa chịu đi, nhìn sang các bạn thiếu-niên đang âu yếm nhìn về phía voi rớm

rớm lệ. Nhà vua đem tiền túi phát cho mỗi đứa bé một đồng gọi là chút tình đối với các bạn thân mến của voi. Bọn chúng phải cầm lấy, tuy trong lòng không đứa nào thích nhận cái mà hằng ngày chúng mơ ước.

Lúc bấy giờ voi mới chịu bước đi. Voi đến gần vua, cúi đầu cảm tạ và chịu đi theo đoàn thuyền để trở về kinh thành. Trước khi lên đường, voi còn nhìn lại toàn-thể dân làng và núi rừng quen thuộc một lần chót, vô cùng lưu luyến.

* * *

Đến kinh thành nhà vua dành cho voi mọi sự săn sóc ân cần. Nhà vua gọi voi là Voi Dõng-mãnh. Rồi tự tay nhà vua thắng cho voi Dõng-mãnh bộ giáp trận thật oai vệ. Vua ngồi trên lưng voi, dạo khắp các đường lớn trong kinh-thành trước khi đưa voi về nhà riêng của nó. Vua xem Dõng Mãnh như người bạn thân thiết và Dõng Mãnh thường quấn-quít bên vua, xem thật hết lòng trung-nghĩa.

Ít lâu sau đó, Hoàng-hậu có thai. Ngày sinh đẻ gần đến thì một chuyện đau đớn bất thình-lình xảy đến: vua băng hà. Cả triều-đình đều nhất trí giấu không cho voi hay. Người ta sợ tin buồn thảm này sẽ làm tan vỡ tim gan Dõng Mãnh.

Liền ngày sau đó, một tin hung dữ khác lại đến làm náo động cả kinh-thành. Đó là tin có quân lính nước Cô-xa-la hùng-hổ tràn vào, và Vua Cô-xa-la định nhân cơ hội Ba-la-nại thiếu vua, chưa có người kế nghiệp mà muốn tóm thâu đất nước, chiếm đoạt ngôi báu. Quân giặc đã vây chặc kinh-thành.

Các cửa thành Ba-la-nại đóng kín. Triều-đình đã gởi người thương thuyết với vua Cô-xa la hoãn việc tấn công trong bảy ngày nữa, chờ Hoàng-hậu sanh đẻ, hẹn 2 điều hoặc là sẽ mở rộng cửa thành khi Hoàng-hậu sanh Công-chúa, hoặc là sẽ nghênh-chiến khi Thái-tử ra đời để kế tục ngôi báu. Cô-xa-ra bằng lòng.

Ngày thứ bảy, đúng theo dự tính của các ngự y, Hoàng-hậu sanh ra Thái-tử. Thế là giòng vua đã có người kế-nghiệp. Lệnh truyền ra cho mọi người sẵn-sàng chống giặc. Thái-tử mới sinh có tướng mạo khác thường đã làm vững lòng triều đình. Nhưng chuyện chống giặc, thắng giặc đâu phải chuyện dễ vì thiếu người điều khiển tối-cao. Trong cơn nguy cấp này, người ta còn một hy-vọng mạnh mẽ, hy-vọng ở tài trí của voi Dõng-mãnh.

Hoàng-hậu nghiêm trang trong bộ đồ lễ-phục, mặc áo vàng cho Thái-tử và tự tay, ẵm Thái-tử đi thẳng xuống chỗ voi ở. Nhiều vị quan trong triều cũng đi theo Hoàng-hậu đặt Thái-tử trước mặt voi rồi long trọng nói với voi:

« Hỡi Dõng-mãnh! Vua ta, chủ của ngươi và cũng là bạn thân của ngươi đã qua đời. Ta đã bảo giấu không cho ngươi biết tin đau xót ấy sợ sẽ làm tan nát tâm can ngươi. Nhưng mà ngươi hãy bình tĩnh: đây là Thái-tử, con vua, sẽ thay vua để chăm sóc dân chúng, chăm sóc ngươi. Hiện nay, kinh thành đang bị vây khốn và sắp sửa bị dày xéo bởi quân lính của vua nước Cô-xa-la. Toàn nước ta đang đứng trước hai điều, hoặc là để Thái-tử mới sinh phải chết dưới lưỡi gươm quân địch, hoặc là chúng ta phải gìn giữ non sông gấm vóc. »

Hoàng-hậu vừa dứt lời, voi Dõng mãnh rống lên một tiếng trầm dài não-nuột. Bỗng nó đứng dậy, đến bên Thái-tử, quỳ xuống, lấy vòi nâng Thái-tử lên cao vời rồi đặt xuống trên các bắp thịt trán nó. Voi muốn nói sự tôn thờ trung-nghĩa của nó đối với người chủ bé nhỏ cũng như trước đây nó đã hết lòng với vua cha.

Voi trao Thái-tử cho Hoàng-hậu rồi phủ phục chờ lệnh. Hoàng hậu khoác tay cho nó đứng dậy và dặn: « Hỡi voi dõng-mãnh. Bây giờ là lúc người hành động để tỏ lòng trung-nghĩa của ngươi, để tỏ giòng máu quật-cường trong ngươi, trong một con voi chính thống. » Hoàng-hậu vẫy tay cho nó lên đường. Một vị đại-thần mặc áo giáp cho voi, và xuống lệnh cho quân lính sẵn sàng.

Voi rống lên hùng dũng, rung chuyển cả không gian. Tiếng rống xuất trận của một con voi chính-thống đã làm bầy voi địch nhớn nhác. Bây giờ là lúc đánh bật quân địch. Người ta mở cửa thành cho voi xông ra. Voi Dõng mãnh rống lên một tiếng nữa. Thật là kinh hoàng. Bầy voi tiên phong của Cô-xa-la khiếp sợ. Trong giây phút, tất cả đều quay đầu về phía sau, cướp đường mà chạy. Hàng ngũ địch rối loạn nhanh chóng. Voi Dõng-mãnh nhanh lắm. Nó xông tới trước mặt vua nước Cô-xa-la, lấy vòi nắm chặt thân vua và quay trở về trong lúc quân địch hoàn-toàn tan rã. Thế là trận đánh kết liễu và thắng-lợi thuộc về đất nước Ba-la-nại.

Voi Dõng-mãnh đặt vua giặc dưới chân Hoàng-tử mới sinh chờ triều-đình xét xử. Dân chúng đòi hỏi phải xử-tử tên vua xâm lược tàn bạo. Nhưng Hoàng hậu thể theo sự thông cảm của mình đối với Thái-tử, truyền thả vua Cô-xa-la được trở về xứ sở với điều kiện là từ nay về sau, vua Cô-xa-la không lợi dụng cơ-hội Thái-tử còn nhỏ mà trả thù buổi thất trận này. Voi Dõng-mãnh rống lên, tỏ ý bằng lòng sung sướng.

Từ đấy, nhờ voi Dõng-mãnh mà Thái-tử mới còn niên thiếu đã truyền được sự tin cậy trong toàn-thể các nước ở Ấn-Độ, trị nước một cách công minh.

KÍNH CÁO

Đã gần cuối năm, còn một số độc giả và Đại-lý chưa thanh toán tiền cho tòa-soạn, mong quý vị ấy lưu tâm gởi tiền và những số báo quý đại-lý phát hành còn lại về cho tòa soạn để chúng tôi thanh toán sổ sách, và trù liệu việc năm mới. Rất cám ơn.

LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN

Con đường giải-thoát của NGUYỄN-DU QUA TRUYỆN-KIỀU

BẤT kỳ một tác phẩm nào, sẽ được hoan-nghênh khi nó nêu lên những vấn-đề chính của thời-đại, trình bày những thắc-mắc dấu kín trong lòng người, phản-ảnh thực-trạng của xã-hội. Nếu những tác-phẩm ấy lại giải-quyết được những vấn-đề, thắc-mắc nêu ra, vạch một hướng thoát cho đương thời thì nó càng được thời-đại dâng tặng những vành hoa chói rọi rạng rỡ.

Nếu những vấn-đề ấy là những vấn-đề căn bản của cuộc sống, vấn-đề rộng lớn, có một ảnh-hưởng và tác dụng lâu dài, thì giá-trị của tác-phẩm sẽ vượt ra ngoài phạm-vi một thời đại bước vào những thế-hệ kế-tiếp hay sẽ là vĩnh hằng.

Anna Karénine, Guerre et paix của Léon Tolstoï ; Les misérables của Victor Hugo, Madame Bovary, của Gustave Flaubert La comédie humaine của Honoré de Balzac, Faust của Goethe, A.Q. của Lỗ-Tấn, Lôi-vũ của Tào-Ngu... đều là những nhân chứng của một thời-đại, những tấm gương phản-ảnh khá trung-thành những tâm-trạng bi thương của con người quý tộc Nga, con người bần cùng ở Pháp, cuộc sống nghẹt thở của nông thôn hay sự rối loạn của từng lớp tư-sản Trung-hoa...

Vậy vấn-đề mà Truyện Kiều của Nguyễn-Du nêu lên nó vẫn còn là vấn-đề của hậu bán thế-kỷ thứ XX nầy không ?

Trong truyện Kiều có khá nhiều nhân vật thuộc đủ các hạng người, các đẳng-cấp. Nhưng những nhân-vật ấy chỉ là thể-hiện những khía-cạnh khác nhau của tâm-hồn thi-sĩ, của khuynh-hướng thời-đại lúc bấy giờ. Những nhân-vật quan-trọng có thể kể là : Nàng Kiều, Kim-Trọng, Mã giám-sinh, Thúc-Sinh, Hoạn-Thư, Từ-Hải, Sư-Giác-Duyên, Bà Tam hợp đạo cô.

Nàng Kiều tiêu-biểu cho tư-tưởng chính của tác-giả. Ở nàng dọng lại tất cả những thắc-mắc của đương

thời, thắc-mắc về số phận con người. Có thể nói cuộc đời của nàng Kiều là một luận-đề về thân-phận con người do Nguyễn-Du đặt ra. Buổi chiều nàng đi du xuân, nghe Vương-quan kể sự-tích của Đạm-Tiên, ngôi mộ không hương khói :

« *Lòng đâu sẵn mối thương tâm,*
Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa »

Nàng cảm thân phận của « con người mình » !

Nỗi niềm tưởng đến mà đau
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?

Tối ấy nàng nằm mộng gặp Đạm Tiên;

« *Thoắt đâu thấy một tiểu Kiều*
Có chiều phong vận, có chiều thanh tân... »

Đạm-Tiên là một bóng ma ám ảnh tâm-trí nàng Kiều. Đạm-Tiên là kết tụ lại từ những lo âu, sợ hãi của con người ở đầu thế kỷ thứ 19 về thân phận của mình, một tâm lý bi quan, hậu quả của một cuộc tao loạn dài gần 300 năm (từ năm 1527 Mạc-đăng-Dung chiếm ngôi của Lê-cung-Hoàng đến 1802 vua Gia-Long xưng đế hiệu).

Tiếng đàn bạc mệnh của nàng Kiều, nhan sắc « ghen hờn » của nàng Kiều, đến lời nói của ông thầy tướng về cuộc đời của nàng Kiều chỉ là biểu hiệu của những mặc cảm về thân phận bé bỏng của con người, về một cuộc sống mỏng manh thiếu phương hướng giải thoát...

Nguyễn-Du một người xuất thân ở đẳng cấp sĩ phu nhưng đã « phá hàng ngũ », và thụ hưởng được tinh hoa của bình dân. Nhờ vậy, cái nhân quan của Nguyễn-Du đã thoát được phạm vi chật hẹp của một đẳng cấp, biến thành cái nhân quan chung của thời đại. Nguyễn-Du đã đứng được ở trung tâm của xã hội, nơi đổ về bao nhiêu nguồn nước khác nhau. Những thắc mắc, tâm trạng bi thảm và sức vùng vẫy để tìm lối thoát của Nguyễn-Du là của cả thời đại bấy giờ...

Nàng Kiều đã trải qua bao giai đoạn cam go (15 năm trời luân lạc) hết gặp Kim-Trọng, Mã-giám-Sinh, rồi Thúc-Sinh, Hoạn-Thư đến Từ-Hải Hồ-tôn-Hiến và cuối cùng Bà Tam-hợp Đạo cô và Sư Giác Duyên ở sông Tiền đường. Đấy chính là sự dò dẫm của Nguyễn-Du để tìm một con đường thoát cho thân phận mình. Những ngõ thoát mà Nguyễn-Du đã thử bước chân vào là những ngõ nào ? thành công hay thất bại ?

Bóng dáng đầu tiên mà nàng Kiều gặp gỡ với một tấm lòng thơ ngây trong trắng là Kim-Trọng. Quá say vì men ái tình, vì sóng lòng dào dạt nên một đêm kia, nhân lúc ông bà Viên Ngoại đi vắng, nàng Kiều đã :

« *Xăm xăm băng lối vườn khuya*
một mình »

Phải chăng Kim-Trọng ở đây là biểu hiệu của khuynh hướng muốn tìm sự giải thoát trong ái tình, trong yêu đương, trong sự say sưa, êm dịu của những cảm giác cá nhân ;

Hoa hương càng tỏ thức hồng,
Dầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu...

Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong ấu yếm có chiều lả lơi...

Nhưng rồi Nguyễn-Du cũng thất bại. Cảnh đêm thề nguyền quá lạnh lùng :

« Vừng trăng vằng vặc giữa trời »

Tiếng đàn quá sầu não :

Rằng : Hay thì thật là hay
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào ».

Và ngay lúc vừa bước vào ngưỡng cửa của lạc thú, thi sĩ đã tiên cảm sự mong manh của ái tình :

Bây giờ rõ mặt đôi ta.
Biết đâu rồi nữa sẽ là chiêm bao.

Cái vỏ lý tưởng của ái tình qua Kim-Trọng đã biến mất. Giờ đây trước mắt thi sĩ, ái tình đã hiện ra với tất cả cái vẻ trơ trẽn của nó, với những dục cảm ê chề qua Mã-Giám-Sinh » :

Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm trơ...

Nguyễn-Du đã bước vào một ngõ cụt. Thất bại, Nguyễn-Du vội lên đường đi tìm một lối thoát khác với một tâm trạng bão bùng :

Đùng đùng gió giục mây vần,
Một xe trong cõi hồng trần như bay.

Con đường giải thoát thứ hai của Nguyễn-Du là đưa nàng Kiều trở về cuộc sống yên phận, chịu ép mình cho qua ngày tháng. Nàng tin ở Thúc kỳ Tâm (tiêu biểu khuynh hướng thúc thủ, yên phận mà sống của Nguyễn-Du) nhờ Thúc Sinh cứu vớt mình :

Như chàng có vững tay co
Mười phần cũng đắp điếm cho một vài...

và cúi đầu vâng lời trước lòng thương của Thúc Sinh :

Thương sao cho trọn thì thương
Tính sao cho trọn mọi điều thì vâng

Nhưng nàng vẫn canh cánh bên lòng vẫn nghi ngờ, lòng thương kia có thể là giả dối vì :

Thiếp như hoa đã lìa cành
Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.

Sự nghi ngờ kia trở thành một sự thật. Muốn một cuộc đời «sống gửi» mà không yên thân. Hoạn-Thư lại hiện ra. Những viên hoạn quan, thư lại kia đã dựa vào quyền thế :

« Vốn dòng họ Hoạn danh gia
Con quan Lại Bộ tên là Hoạn Thư»

để hà hiếp những hàng-thần, những kẻ cô thế, nào là :

Bề ngoài thơn thớt nói cười
Bề trong nham hiểm, giết người không dao.

nào là :

Trúc côn ra sức đập vào
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh

nào là :

Ra vào heo lũ thanh y
Dật dầu tóc rối da chì quảng bao...

Cuối cùng, nàng không thể nào kéo nổi cuộc đời sầu não lặng lẽ :

Người vào chung gối loan phòng
Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài...

nàng đành phải trốn đi trong tội lỗi (ăn cắp chuông vàng khánh bạc để hộ thân) giữa một đêm :

Mịt mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt dấu dày cầu sương,
Canh khuya thân gái dặm trường
Phần e đường sá, phần thương dãi dầu...

Con đường thoát thứ hai của Nguyễn Du như vậy là thất bại. Nó dẫy Nguyễn Du đến cái thế phải bỏ nó mà đi.

Lần này, Nguyễn Du muốn tìm một giải pháp mạnh mẽ hơn : bạo động, (giải pháp này Nguyễn Du chỉ trình bày trong văn chương còn Cao bá Quát sau này đã thực hiện trong đời sống). Giờ đây nàng Kiều lại gặp anh hùng Từ Hải. Từ Hải có một ý chí hào hùng, quả cảm, nuôi giấc mộng lớn, xây một cõi biên thùy riêng :

Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà...

Nhưng giữa lúc Nguyễn Du mơ tưởng sự thành công thì đồng thời Nguyễn Du cũng bị ám ảnh, chua xót bởi cái cảnh : « Trúc chẻ, ngói tan » những thây người ngã gục vì hận thù:

« Máu rơi thịt nát tan tành
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời...

Dù cho Từ Hải có lòng nghĩa hiệp :

Phong trần mài một lưỡi gươm
Những phường giá áo túi cơm sá gì..

thì cũng vẫn máu chảy, xương rơi. Tiếng gọi của yêu thương, của những con người khao khát hòa bình sau một thời loạn dài gần 3 thế kỷ đã thức tỉnh thi nhân. Cái cảnh nhục nhã của một hàng thần :

Bó thân về với triều đình.
Hàng thần lơ-láo phận mình ra đâu
Áo xiêm buộc trói lấy nhau
Vào lòn ra cúi, công hầu mà chi...

không dày vò lương tâm thi sĩ bằng cái cảnh :

Ngẫm từ dấy cuộc binh đao,
Đống xương vô định đã cao bằng đầu,
Làm chi để tiếng về sau
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào...

Tiếng kêu gọi tha thiết với thái bình của thời đại đã thắng cái giấc mộng ngang tàng của Nguyễn-Du. Nguyễn-Du đã nhận ra giữa lúc nầy mà kẻ nào muốn gây chiến tranh là phản lại ý nguyện của dân chúng, sẽ bị dân chúng nguyền rủa. Giờ đây người ta cần có hòa bình có an ninh trật tự để tinh thần bớt căng thẳng, để thôi chém giết nhau, để cho ngọn lúa xanh mọc lại trên đồng ruộng... Vì

vậy Từ Hải đã phải chết, chết đầy uất hận, chết đứng :

Trong vòng tên đá bời bời,
Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ . .

Thế là lần thứ ba, Nguyễn Du lại thất bại trong lúc dò dẫm đi tìm một con đường thoát.

Cuộc đời nàng Kiều cứ trôi giạt. Tâm hồn Nguyễn-Du như một cánh buồm đi giữa biển trời đen thẳm, không bờ bến phương hướng... Phải đợi cho hết 15 năm lưu lạc, nàng Kiều mới tìm được một lối thoát một con đường « giải phóng » cho cái thân phận bé bỏng, bèo sóng của mình. Nàng đã gặp sông Tiền Đường rồi :

Trông vời con nước mênh-mông,
Đem mình gieo xuống giữa giòng Trường Giang.

Cái thân xác quá đau đớn, ê-chề vì lăn lóc nhiều với dục vọng đã được rửa sạch bụi đời. Nàng từ giã bên này sông Tiền-Đường: «bến mê», nhờ giòng nước đưa về bên kia bờ : nơi « bến giác ». Ở đấy nàng được Bà Tam-Hợp đạo cô bảo sư Giác-Duyên tới đón :

« Giác-Duyên dù nhớ nghĩa nhau
Tiền-Đường thả một bè lau rước người.

Trước sau cho vẹn một lời,
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không.

và nàng cùng sư Giác-Duyên sống một cuộc đời nương nhờ cửa Phật :

Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng. . .

Nhảy xuống sông Tiền-Đường, nàng Kiều đã chọn được một con đường giải thoát thích đáng vì thế nàng đã không gặp một trở lực nào và nàng đã thành công. Hành-động nhảy xuống sông của nàng Kiều là một hành động tượng trưng có ý nghĩa giải thoát. Chúng ta đừng vội cho nàng Kiều là tự-tử, nếu nàng có tự hủy hoại thì là hủy hoại cái phần đời sống bằng dục vọng, để xây-dựng làm nảy nở phát-triển cái phần đời sống trong đạo hạnh. Chính vì vậy mà tác giả cho nàng Kiều vẫn tiếp tục sống, nhưng sống một cuộc đời diệt dục, thoát sự cám dỗ, trong ánh sáng của tôn-giáo.

Nàng Kiều qua bên nầy sông Tiền-Đường là một nàng Kiều đã siêu thoát, một nàng Kiều sẽ sống mãi mãi, một nàng Kiều biết từ chối, thù ghét mọi dục vọng :

Khéo là nhơ nhuốc bày trò,
Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi.

Nàng Kiều giờ đây hiện lên với một vẻ đẹp phi thường, một nàng Kiều thanh thoát, một nàng Kiều lý tưởng, một nàng Kiều :

Mùi thiền đã bén muối dưa,
Mầu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.
Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi.

Từ trước đến nay có một số người cho rằng : Đem thân nương cửa Chùa là để vơi bớt những đau khổ

để hàn gắng vết thương lòng. Cuộc đời ở cửa thiền là yếm thế là một cách « chết mòn » trong sự xa lánh thực tại là của kẻ chán đời. Thực họ đã lầm. Nếu chúng ta so sánh cuộc đời của nàng Kiều bên này và bên kia sông Tiền-Đường (được bàn tay Sư-Giác-Duyên cứu vớt) thì chính ở quảng đời trước nàng sống trong cái chết và ở quảng đời sau mới thực là sống. Cuộc đời trước kia đầm lệ đầy đau thương bi ai bao nhiêu :

«Giờ sao tan tác như hoa giữa đường »

thì cuộc đời sau trong sáng bấy nhiêu, chính ở quảng đời sau nàng mới thực yêu đời :

«Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên»

tiếng đàn của nàng mới là tiếng đàn trong sáng của một tâm hồn lành mạnh :

« Trong sao châu đỏ duềnh quyên, Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông»

Vậy từ khi nàng nương cửa thiền, thoát được bàn tay đày đọa của cuộc đời ai bảo là nàng chết, chính ở đấy nàng mới sống, sống với ý nghĩa tích cực và lý tưởng, hướng thiện của nó.

Với phương pháp giải thoát cuối cùng nầy, Nguyễn-Du đã toại nguyện. Trước kia chúng ta thương cho cuộc đời chìm nổi của nàng Kiều hay của Nguyễn-Du bao nhiêu, giờ đây chúng ta lại kính phục, sung sướng vì nàng Kiều đã tìm được một lối thoát rộng lớn đầy cả hương hoa, một lối thoát duy-nhất cho loài người.

Nếu như cho phần tái hồi Kim Trọng là một tổng hợp đề thì cuộc đời đầu tiên trong đẹp của nàng Kiều là một tiền đề và những sự đày đọa khổ sở những giải pháp thất bại là phản đề :

I. — TIỀN ĐỀ { *Con người ban đầu ngây thơ trong trắng.*

(thể hiện qua nàng Kiều con người trừu tượng).

Bán tơ : Gieo họa : Khổ ải

II. — PHẢN ĐỀ con người thực ở cõi trần { *Con người với bao cảnh đau khổ, mặt trái của cuộc đời mò mẫm tìm lối thoát*

1/ Tìm giải pháp : ái tình

{ *Khẳng định* : Kim-Trọng
{ *Phủ định* : Mã-giám-Sinh

2/ Tìm giải pháp đầu hàng

{ *Khẳng định* : Phúc - Sinh
{ *Phủ định* : Hoạn - Thư

3/ Tìm giải pháp bạo-động

{ *Khẳng định* : Từ - Hải
{ *Phủ định* : Hồ-tôn-Hiến

Con sông Tiền-Đường : Giải - thoát

III. — TỔNG HỢP ĐỀ { *— Bà Tam hợp đạo cô + Sư-giác-Duyên dắt dẫn.*
{ *— Sống diệt dục nương cửa Phật.*

Thương thay! Nàng Kiều đã phải chịu hy-sinh trọn vẹn cả cuộc đời son trẻ của mình để tìm một lối đi, tìm cái tổng hợp để có vẻ giản dị trên dây. Nàng đã dò dẫm nhiều ngỏ, nhưng ở đâu nàng cũng thua lỗ. Cuối cùng nàng đã thành công, nàng đã đánh đổi gần cả một cuộc đời ; để nhận rõ một chân lý : chỉ có trở về nương dưới bóng Từ-phụ (Đức Thích-Ca), chỉ có trở về với Tôn-giáo mới là con đường giải-thoát chính đáng.

Vậy thử hỏi vấn đề của Nguyễn-Du nêu ra, giải pháp của Nguyễn-Du tìm thấy có còn thích-hợp có còn là một tấm gương sáng cho chúng ta soi cuộc đời hiện đại không ?

Tâm-trạng của xã-hội chúng ta, của loài người hiện nay là một tâm trạng sợ-hãi trước sự ám ảnh của chiến-tranh, của chém giết, của tiêu-diệt, vấn-đề của thời đại hiện nay vẫn là cái thắc mắc của con người về thân phận bé bỏng, bi đát của mình. Loài người nói chung và xã-hội chúng ta nói riêng trong lúc bước dần về cuối thế kỷ thứ hai mươi này, đang tìm tòi, tha thiết tìm một con đường sáng, để giải-thoát ấy là con đường trở về tôn-giáo.

Giờ đây biết bao kẻ trong chúng ta vẫn còn băn khoăn về thân phận của kiếp người, đang dằn vặt, mò mẫm ; đang ngã trong trầm luân như nàng Kiều ... và cũng đang vươn dậy cố tìm một lối thoát ... Họ bước đi những bước :

« Thử liều nhắm mắt đưa chân
Để xem con tạo xoay vần đến đâu,

Họ nhìn cuộc đời như :

Hoa trôi man mác biết là về đâu

Luận đề của Nguyễn-Du nêu ra và giải pháp của Nguyễn Du đề ra vẫn là những điều bắt chúng ta phải suy nghĩ, vẫn còn thích ứng với tâm trạng của thời đại hiện nay.

Ở bên kia trời Tây, những tác phẩm của André Malraux, của Albert Camus cũng đang nêu lên những thắc mắc, băn khoăn về thân phận làm người, họ cũng đang tìm một lối thoát...

Vậy vấn đề mà Nguyễn-Du thể hiện qua truyện Kiều, còn là vấn đề chính của thế giới hiện tại nên giá trị truyện Kiều đã vượt phạm vi một Quốc gia, chứa một giá trị nhân loại . . .

120 năm về trước, khi cụ Nguyễn Du sắp nhắm mắt, đã chiếm khẩu hai câu thơ :

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như ?

Khóc cho cá nhân Tố-Như ư ? Không phải. Đây là khóc cho cái kiếp làm người mà Tố-Như hơn ai hết, đã ý thức được trọn vẹn đầy đủ.

Giờ đây chúng ta hãy đốt sáng hơn nữa những hàng nến trên bàn thờ của thi nhân, soi cho rõ tâm trạng của thi nhân rồi cúi đầu suy nghĩ vì chúng ta chính là Nguyễn-Du ngày hôm nay . . .

NHƯ-KHÁNH

PHÁT NGUYỆN TU HÀNH

Kỷ niệm ngày Khánh-đản
đức Phật A-Di-Đà

Trước bàn Tam bảo, đèn rạng hương bay,
Cúi đầu chấp tay, con xin lạy Phật,
Lòng con thành thật, chí nguyện theo NGÀI,
Lánh cõi trần ai, mong về Tịnh-Độ,
Thấy điều đau khổ, lắm kẻ điêu tàn,
Sống kiếp lầm than, vì chưa giác-ngộ,
Nay con đã rõ, dầu trễ hơn không,
Cố sức gắng công, xả thân cầu đạo,
Thoát vòng phiền não, núp bóng TỪ-BI,
Mạn tham sân si, con nguyền trừ khước,
Lỗi lầm từ trước, vì tánh còn mê,
Nay con xin thề, thành tâm sám hối,
Lấy công chuộc tội, con quyết tu hành,
Tránh dữ làm lành, vun trồng cội phúc,
Nước nay tuy đục, lọc mãi phải trong,
Con nguyện hết lòng, Bồ-đề kiên cố,
Lợi danh cám dỗ, chẳng chút động tâm,
Mùi tục bụi trần, con nguyền rủ sạch,
Cho lòng thanh-bạch, cho trí thanh bình,
Chánh niệm phân minh, cầu xin chư Phật,
Khi con nhắm mắt, xin phóng từ quang,
Tiếp thần thức con, đưa về Tịnh-Độ.
Nguồn mê bể khổ, nghiệp chướng luân hồi,
Đã thoát cả rồi, con xin thề nguyện,
Nguyện thành Chánh-Giác, nguyện độ chúng sanh,
Đồng thành Phật-Đạo.

HOÀI - TỊNH

ĐẠO TÌNH

Mong Thầy cho phép con ghi lên đây những điều mắt thấy tai nghe — Mối Đạo tình — Con chân-thành thâm-cảm.

NGUYỄN - ÁI - HIỀN
Thôn Vĩ - Dạ — Huế

SÁNG hôm ấy trước cửa phòng Nguyễn-hữu-Sum của Bệnh-Viện Huế đã tề tựu lại một số rất đông người. Họ lặng lẽ đứng nhìn nhau qua những nét mặt lo âu và rầu rĩ, cùng chung một niềm thông cảm. Hình như không thể nén nổi lòng xúc động, đã có những con mắt hoe hoe đỏ với những tiếng thút thít nho nhỏ.

Mọi người nóng lòng chờ đợi. Nhưng thất-vọng, một nữ y-tá đẩy nhẹ cửa phòng, ló mặt ra ngoài nói với một giọng dịu dàng :

— Thưa quí Bác và anh chị, Thầy đang yếu lắm, Bác-sĩ bảo chưa có thể cho ai vào thăm được. Vậy xin quí Bác và anh chị vui lòng chờ cho khi khác.

Câu nói vừa xong, cánh cửa đã khép chặt lại. Mọi người thở dài, và thì thầm với nhau :

— Tôi nghe Thầy bị xuất huyết nhiều lắm, không biết ra sao.

— Tôi chỉ muốn nhìn Thầy một chút thử thế nào chứ thăm lúc này cũng không ích gì.

— Tôi biết trước lắm, Thầy ham việc quá độ, nào vừa đi dạy, vừa lo bài vở cho báo Liên-Hoa, nào công phu kinh kệ, không chịu nghỉ ngơi bớt nên bây giờ bịnh mới đổ nặng ra như thế.

Cứ thế câu chuyện kéo dài không ngoài vấn-đề bịnh trạng của Thầy. Tuy không được vào thăm, họ vẫn đứng lại hàng giờ trước cửa phòng. Vài người quá sốt ruột đã liều đến vén bức màn che cửa gương trên đầu giường nằm của Thầy để dòm vào.

Những người chờ chực sáng hôm ấy đại-diện đủ các tầng lớp trong xã-hội. Ngoài các vị Hòa-Thượng, và quý vị Đại-Đức Tăng-Ni trong Giáo-Hội Thừa-Thiên nào là những thương-gia, công-chức, tư-chức, giáo-sư, quân-nhân, thợ thuyền, học-sinh, nào là các em thiếu-niên thiếu-nữ cho đến các bậc già nua. Họ đã từ xa gần quy tụ về đây khi vừa nghe tin Thầy lâm bịnh nặng.

Thấy họ chưa chịu về dứt khoát, bác T. một Phật-tử đứng tuổi đã theo săn sóc Thầy từ lúc Thầy mới vào Bệnh-viện, đẩy cửa ra ôn tồn nói :

— Quí Bác và anh chị đến đây đều một lòng mến thương Thầy, nhưng vì Bác-sĩ đã có lời dặn cần yên tĩnh để bịnh Thầy mau khỏi, vậy xin Quí Bác và anh chị cảm phiền để hôm khác vào thăm Thầy khi Thầy được khỏe.

Họ đành ra về rồi kể lại cho nhau nghe chuyện thầy lâm bệnh. Sáng hôm đó, Thầy ngủ dậy bị xuất huyết rất nhiều ở mũi và miệng. Nhưng Thầy vẫn thản nhiên xem như thường dầu

đầu hôm Thầy cũng đã bị xuất huyết một lần khá nhiều ở mũi. Giá không có vài đạo-hữu nghe tin đến thúc dục và cương quyết mời Thầy đi Bệnh-viện, hẳn thầy cứ ở nhà. Trước sự bình thản của Thầy, bác L. một đạo-hữu già cả trong khuôn, đã phát gắt lên :

— Nếu Thầy không chịu đi Bệnh-viện, tôi nhất định bồng Thầy bỏ lên xe. Lúc đó Thầy mới chịu đi. Sắp sửa lên xe Thầy còn ngoảnh lui nhắn nhủ căn dặn các đạo-hữu xúm xít quanh Thầy :

— Tôi có sao nữa, các đạo-hữu cũng cứ nên năng lui tới nhà Chùa luôn ! Trong giờ phút nguy kịch, Thầy không nghĩ đến thân mạng mà chỉ nhớ đến Phật-sự, lo dắt dìu Phật-tử làm cho các đạo-hữu nhìn theo Thầy ngùi ngùi cảm xúc.

Lớp người này ra về xong, thì lớp khác lại đến, thành thử suốt ngày người ta vẫn thấy một số người tấp nập trước cửa phòng.

Hai hôm sau, Bác-sĩ mới cho phép một số ít đạo-hữu vào thăm trong vài phút. Họ chỉ đứng xa, nhìn bệnh-nhân đắp tấm « ra » trắng tận cổ, chỉ chừa lại khuôn mặt xanh xao, nhợt nhạt, với hai mắt tròng trọc mê mệt. Nhìn được Thầy, dù Thầy không hay biết gì cả, họ cũng lấy làm mãn nguyện.

Cơn bệnh của Thầy thật quá trầm trọng. Theo lời Bác-sĩ cho biết, cái mụt ở bao tử của Thầy vỡ ra và đã ăn đứt mạch máu nên làm huyết xuất ra rất nhiều.

Khi Thầy tỉnh lại, nhìn nét mặt lo âu của Bác-sĩ đang thăm bệnh, Thầy nói với Bác-sĩ một cách tỉnh rót làm Bác-sĩ sửng sờ.

— Bác-sĩ xem như bịnh tôi không thể cứu vãn được thì xin Bác-sĩ cứ để tự nhiên cho tôi, Bác-sĩ hãy để thì giờ cứu giải bịnh nhân khác cần sống. Đầu kia, cách giường Thầy nằm,

một bịnh-nhân lo sợ hốt hoảng trước tử thần và gia nhân đã mời một Linh-mục đến để làm phép.

Nhưng nhờ các Bác-sĩ tận tâm điều trị, các y-tá hết lòng săn sóc, bệnh tình của Thầy đã lần hồi thuyên giảm. Bịnh thuyên giảm một cách mau lẹ đến nỗi Bác-sĩ cũng bất ngờ. Mọi người đều tin rằng bịnh Thầy mau lành như vậy cũng là nhờ diệu dụng niệm Phật của Thầy, Chính ngay trong những lúc yếu mệt nhất người ta vẫn thấy Thầy lần chuỗi hạt. Một lần kia trong khi mơ mơ màng màng Thầy đã thấy Phật Quan-Âm, in như ảnh trong số Liên - Hoa đặc biệt về ngày vía Quan-Âm, cầm bình nước cam-lồ chúc vào người Thầy. Tỉnh lại, Thầy mới sực nhớ ảnh Phật Quan-Âm trong báo Liên-Hoa cầm bình dựng.

Ngoài ra cũng nhờ sức cầu nguyện của mọi người. Trong những ngày bịnh Thầy còn nguy kịch, Giáo-Hội Tăng-Già, các Chùa, các Khuôn, các tư gia đều cầu nguyện Tam-Bảo gia hộ cho Thầy tai qua nạn khỏi. Cảm động nhất là có những cá-nhân phát tâm ăn chay để cầu an cho Thầy.

Từ hôm bịnh Thầy thuyên giảm, hằng ngày Phật-tử riêng-rẽ và các khuôn - viên xa gần tấp - nập đến thăm Thầy bất cứ trong giờ phút nào. Một vài đạo hữu tạm gác công việc để đến săn sóc cho Thầy. Người ta tranh nhau cúng dường các thứ cần dùng, các thức ăn, thuốc men.

Có những người Thầy chưa quen, hay Thầy mới gặp qua một lần cũng sốt sắng tìm đến thăm Thầy cho được. Có những người ở các tỉnh xa xôi như Quảng-Ngãi, Bình - Định cũng về thăm Thầy.

Không ai nhắn nhủ, không vâng theo mệnh lệnh nào, họ đã đến thăm Thầy với tất cả lòng luyến ái chân thành, bồng bột. Mọi người xem Thầy như một người thân thích trong gia-đình. Họ quí mến Thầy, vì đối với người trên, kẻ dưới đối

với người đau ốm kẻ nghèo cực, đối với người thân kẻ sơ, Thầy đã có những lời đẹp để thích hợp làm vui lòng họ, những cử chỉ thân ái khuyến khích họ trên đường đời cũng như trên đường đạo.

Nhưng Thầy là ai ? Có phải là một nhân-vật quan trọng trong xã-hội, trong Chánh-quyền không ? Thầy có phải là người đã từng lập những công trạng lừng lẫy, người có danh vọng lớn lao chăng ?

Không, không phải thế. Dù là một nhân - vật quan trọng chưa hẳn được một sự mến cảm nhiệt thành như thế. Tình thương đậm-đà chân thật ấy chỉ có trong đạo vị mà thôi.

Vâng, Thầy chỉ là một Tăng-sĩ, Thầy chỉ sống một cuộc đời đạm-bạc của kẻ xuất-gia theo Phật. Không gia-đình, không danh vọng, không của cải và không tất cả :

Nhưng không tất cả mà có tất cả.

NGUYỄN - ÁI - HIỀN
Thôn Vĩ-Dạ Huế

Quý độc-giả và đại-lý ở Huế xin đến thanh-toán tại chùa Diệu-Đế vào những buổi chiều thứ hai thứ năm và thứ bảy, từ 3 đến 5 giờ chiều. Ngoại tỉnh gởi ngân phiếu xin đề : Thầy Thích-đức-Tâm 25 Tô-hiến-Thành chùa Diệu-Đế Huế.

DIỄN-VĂN

Của Thầy Đại-biểu trường Trung-học Hàm-Long, đọc trong dịp chào mừng các Đại-biểu Tổng-Hội-Đồng Giáo Hội Tăng-Già Trung-Phần

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kính bạch quí vị Thượng tọa,
Quí Đại-biểu các Tỉnh,
Quí vị Đại-đức Tăng-già.

Hôm nay, được cái vinh-dự đón tiếp quí Đại-biểu Tổng-Hội-Đồng Giáo-Hội Tăng-già Trung-phần quan-lâm đến trường Trung học Hàm long đặt dưới quyền bảo trợ của Tổng Giáo Hội, tôi xin thay mặt Ban Giám-đốc, các anh chị em Giáo-sư, Giáo-viên và tất cả Nam, Nữ học-viên, kính cẩn chào mừng quí vị và nói lên lòng tri-ân vô-lượng của chúng tôi trước sự chiếu cố của quí vị đối nhà trường trong hiện tại cũng như trong tương-lai.

Sự thăm viếng của quí vị hôm nay là một khích lệ lớn lao cho công cuộc đào tạo con em cho đại gia-đình Phật giáo về cả hai phương-diện văn hóa và đạo đức mà chúng tôi đang và sẽ cố gắng theo đuổi.

Trường Trung-học Hàm-Long ra đời không ngoài mục đích : đối với các điệu chúng, chúng ta có bổn phận cung cấp cho họ những điều kiện mà chúng ta thấy cần thiết và

cấp bách để sau này các điệu chúng có một ít căn-bản văn hóa khả dĩ giúp họ phát huy sứ mệnh hoằng dương Phật pháp. Còn đối với con em hoặc các vị Phụ-huynh vì thiện cảm hoặc vì tín nhiệm đã gởi gấm cho nhà trường, chắc rằng họ cũng đã nghĩ đến sự liên hệ mật thiết giữa Trí và Đức cũng chẳng khác gì như bóng với hình, mà chúng ta đã chú ý đến. Vả lại kinh nghiệm ở đời cho chúng ta thấy rằng, chỉ trau dồi trí thức mà xao lãng tâm tánh, coi nhẹ tu dưỡng đức hạnh thường đưa đến những kết quả tai hại cho mình và cho người.

Nhưng đạo đức chúng ta chủ trương huấn tập con em ở đây không chỉ thu hẹp trong phạm vi thông thường mà cổ nhân đem dạy cho học trò trải qua bao nhiêu thế kỷ. Nó còn đi xa hơn thế nữa, tôi muốn nói đến cái đạo đức quảng đại vô thượng do Phật giáo truyền bá trên hai ngàn năm nay. Vì thế chúng ta không ngần ngại biến học đường của chúng ta thành công cụ truyền bá Phật giáo. Theo lẽ thường, con người thường chịu ảnh hưởng của ngoại cảnh, và ngoại cảnh cũng thường trở lại chịu ảnh hưởng của con người. Quan điểm này đã được chứng minh trên thực tế và qua những trang lịch sử của dân tộc ta. Biết bao kẻ học tập thành tài còn ghi nhớ những kỷ niệm êm đềm của thời niên thiếu về nhà trường, về thầy giáo về những mãnh đời cỏn con đã để lại trong tâm hồn họ những dấu vết sâu đậm. Hồi ăn trái nhớ kẻ trồng cây, nhiều người có địa vị trong xã hội không quên biểu dương lòng tri ân của họ đối với những gì và những ai đã đào tạo họ thành con người hôm nay. Xưa kia, Lý-Công-Uẩn, thuở còn thơ ấu được ngài Lý-Khánh-Vân, một vị chân tu đạo hạnh dạy dỗ nuôi nấng ; khi đã trở thành vua Lý-Thái-Tổ, Ngài dốc lòng mộ Đạo và làm sáng tỏ đạo Phật một thời trong thiên hạ.

Tôi thiết tha mong mỏi Giáo Hội chúng ta rút những

kinh nghiệm thiết thực ấy để bồi bổ ý thức lãnh đạo của chúng ta nhằm xây dựng và phát triển học đường thế gian của Giáo hội chủ trương, và đề cao tinh thần Phật-giáo trong khuôn khổ tổ chức Giáo dục hiện tại. Nhờ Phật lực hộ trì, nhờ sự thành tâm thiện chí của chúng ta, chúng tôi có quyền hy vọng ở một tương lai tốt đẹp.

Trước khi dứt lời, một lần nữa, thay mặt trường Trung học Hàm-Long, chúng tôi xin trân trọng cảm tạ quí Ngài và xin cầu chúc quí Ngài thân tâm an lạc, giới hạnh trang nghiêm và thành công trong sứ-mạng chấn-hưng Đạo-pháp.

KÍNH QUÝ VỊ ĐỘC - GIẢ

Chỉ còn 1 số nữa là hết năm, và Liên-Hoa vừa được 4 tuổi. Sở dĩ « Liên-Hoa » còn sống mãi đến hôm nay là chính nhờ ở lòng sốt sắng giúp-đỡ của quý vị đạo hữu, độc - giả

Sang năm mới, theo đà tiến triển chung của Phật-Sự, **« LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN »** *định sẽ cải tiến cả hình thức lẫn nội dung, để đền đáp phần nào lòng ủng hộ nhiệt thành của quý vị.*

Nhưng muốn cho sự cải tiến thể hiện được ý nguyện góp phần xây dựng chung, **« LIÊN - HOA NGUYỆT - SAN »** *xin mời quý vị ngay từ bây giờ cho biết những nhận xét, phê bình và ý kiến riêng của quý vị trong việc cải tiến* **LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN**

LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN *mong mỏi được đón nhận mọi ý kiến xây dựng và xin chân thành cảm ơn quý vị.*

LIÊN - HOA NGUYỆT - SAN

NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT KHOA - HỌC

Kỳ-sư UÔNG-TRÍ-BIỀU soạn
LIÊN-HOA dịch

(Tiếp theo)

Phật-giáo dạy người ta tín mà cũng dạy người ta nghi; nên gọi rằng: «nghi nhiều thì giác-ngộ nhiều, nghi ít thì giác-ngộ ít, không nghi thì không ngộ được» Nói rằng tín là tin ở lời nói câu văn mà lý của nó được giải thích minh-bạch; nói rằng nghi là ngờ ở lời nói câu văn mà việc làm của nó không được biểu diễn ra thực tế. Phái Thuyền tôn dạy người hãy nêu ra một nghi tình rồi đem hết tâm trí mà nghiên-cứu, cho đến lúc công-phu thành thục, thì thấy được kết quả; bởi vậy phạm vi nghiên cứu của P. G. rất rộng, tâm trí nghiên cứu P.G cũng rất lớn. Thông thường người ta nói rằng nhà khoa-học hay hoài nghi và ưa nghiên cứu lẽ «tại làm sao?» nhưng thiệt ra thì không phải thế, phần đông nhà khoa-học chỉ tìm lẽ «Làm sao» mà không dám hỏi đến lẽ «tại làm sao» Trong thế-gian e chỉ có trong P. G. mà thôi. Lấy một ví dụ như nhà điện học chỉ nói rằng: các phần-tử của sắt chế luyện đúng đắn thì phát sanh ra từ-lực (sức hút của

từ thạch) nhưng họ không hỏi « tại làm sao » sắt lại phát-sinh từ lực, và « tại làm sao » trong phần-tử của đồng lại không phát sanh được từ lực ?

Lại một ví dụ : ai cũng biết nước lúc nóng đến 100 độ (theo ôn độ-biểu) thì bốc lên một thứ hơi nóng. Nhà khoa học chỉ nói như thế mà không nói rõ nước tại làm sao phải có tiềm-nhiệt mới thành ra hơi; và cũng không nói tại làm sao tiềm-nhiệt lại ở trong hơi nước. Một ví dụ nữa : từ khi nhà Bác-học Newton tìm thấy sức hấp dẫn của quả đất cho đến ngày nay không ai nói rõ tại làm sao quả địa-cầu lại có hấp-lực. Bởi vậy chúng ta không nên mê tín rằng bao nhiêu sự vật trên thế giới này « tại làm sao » mà có, đều được, nhà khoa-học giải đáp cả. Sự thật về phương-diện vật chất còn có không biết bao nhiêu cái « tại làm sao » mà trước sau chưa có người giải đáp được, cũng như trước sau chưa có người dám hỏi đến lẽ « tại làm sao ».

Phật-giáo-đồ thật ra họ cũng khá dũng cảm và thông minh, họ giống như con sư-tử khi bị người ta bắn, nó không cần nhìn xem mũi tên bắn nó từ đâu mà đến. Về tất cả mọi phương-diện, Phật-giáo đều tìm đến cái nhơn, tức là mọi việc đều hỏi đến lẽ « tại làm sao ». Cũng như vấn đề nhân sanh vủ-trụ không thể chỉ ở phương diện vật-chất mà tìm được câu giải đáp, nên phải nghiên cứu cả hai mặt tinh thần và vật chất. Do đó tinh thần nghiên cứu của Phật-giáo so với khoa học thật là vĩ-đại.

A — Phương-pháp nghiên-cứu

Phương-pháp nghiên-cứu của khoa-học không ngoài hai pháp diễn-thích và quy-nạp trong luận-lý-học (Logique). Quy nạp là theo công-dụng biến-hóa của một vật để tìm qui-luật chung mà noi theo; diễn-thích là theo công lý của một việc đã biết, hoặc qui luật đã chứng thật được, để tìm hiểu lý luận chưa biết. Trong lúc nhà khoa-học sử-dụng hai phương-pháp nói trên, họ có một thái độ rất nghiêm-cẩn, nhưng có lúc kết quả qui nạp được chưa chắc đã đủ để

nương tựa theo ; đại khái như trong công thức vạn hữu-dẫn-lực (gravitation) không có lấy tốc-suất của vật-thể chuyển động và cũng như sự sai lầm của hai định-luật : vật-chất không tiêu diệt, năng-lực không tiêu diệt. Nhưng các môn toán học đã lập ra theo pháp diễn-thích thì không có cái lệ ấy là vì họ đã căn-cứ ở một cơ bản lý-luận ; tuy không phải như chỗ sở-chứng ở tịnh trí-hiện-lượng trong Phật-giáo nhưng không trái ngược với hiện-lượng thế-gian, cho nên dưới con mắt Phật-giáo đồ phải nhìn nhận là chân thiệt vậy.

Phương-pháp nghiên-cứu mà trong Phật-giáo dùng, so với khoa-học lại càng nghiêm cẩn hơn ; theo Nội-minh của Phật-giáo thì cái gì bảo là chân tướng của sự-vật thì phải tránh xa hai chướng-ngại phiền-não sở-tri của tịnh-trí hiện-lượng, mới có thể bày rõ ra được. Nay vì lẽ muốn cho dễ hiểu nên không lùi lại một bước mà dùng hiện-lượng và tỷ-lượng của nhơn minh-học, vì những hiện-lượng và tỷ-lượng ấy phù hợp với lý trí nhà khoa-học mà nhân-gian cũng đều thừa nhận. Vì lẽ tam-chi-thức (3 chi nhánh công thức) của Nhơn-minh-học và tam-đoạn-luận (3 phần lý luận) của luận-lý-học (Logique) giống nhau mà chỉ có khác ở chỗ thứ tự trước sau, như chi thứ nhất của Nhơn minh là « Tôn, » chi thứ hai là « Nhơn, » chi thứ ba là « Dụ » còn đoạn thứ nhất của luận lý là « Đại tiền đề » đoạn thứ hai là « Tiểu tiền đề, » đoạn thứ ba là « đoán án » ; Đoán án của luận lý tức là Tôn của Nhơn-minh Tiểu tiền đề tức là nhơn, Đại tiền đề tức là Dụ, như đồ biểu dưới đây :

I. — Tam-đoạn luận của luận lý học :

1) Đại tiền đề : *Phàm vật gì thuộc loại kim đều truyền điện được ;*

2) Tiểu tiền đề : *nhôm (aluminium) là vật thuộc loại kim.*

3) Đoán án : *cho nên nhôm truyền điện được.*

II. – Tam chi thức của Nhơn minh học

1) Tôn :

Nhôm truyền điện được

2) Nhơn :

vì nhôm là vật thuộc loại kim

3) Dụ :

a) Đồng dụ : hiện thấy vật gì thuộc loại kim đều truyền điện được (như đồng).

b) Dị-dụ : hiện thấy vật không truyền điện được là không phải thuộc kim (như đồ sứ)

Xem hai luận pháp trên này trừ « Đại tiền đề » và « Dụ » có chỗ bất đồng, ngoài ra thì giống nhau cả ; Chi thứ 3 của Nhơn minh (Dụ) còn chia ra 2 chi nhỏ (Đồng dụ và Dị dụ), so với Đại tiền đề có phần chu đáo hơn ; hơn nữa ở « Dụ » không dùng chữ « phàm » vì nó có tánh cách võ đoán, mà chỉ dùng chữ « hiện thấy » nó linh hoạt và không lầm ; nền phép qui nạp của Dụ ổn thỏa và chắc chắn ; bởi vì nhôm có truyền điện được hay không còn phải đợi xét đoán. Nếu trước khi đoán định đã nói ngay rằng phàm vật thuộc loại kim đều truyền được thì thành ra mạo hiểm. Vậy nên lúc biện luận dùng Tam đoạn luận không bằng dùng tam chi thức có phần chắc chắn hơn ; do đó người ta thấy phương pháp nghiên cứu của Phật-giáo lúc nào cũng nghiêm mật.

(Còn tiếp)

KÍNH CÁO

Liên-Hoa năm thứ nhất đến năm thứ tư vẫn còn tại Tòa-soạn. Vị nào muốn thỉnh từ một năm đến bốn năm, Xin liên lạc với Tòa-soạn.

LIÊN-HOA NGUYỆT-SAN

PHẬT LỊCH 2502

Ngày 10 tháng 12 năm 1958

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Kính toàn thể Phật tử !

Chùa Viên-Thông là một ngôi tổ đình do Tổ-Sư Liễu-Quán sáng lập gần 300 năm, trải qua nhiều phen thay đổi, nhưng trên nhờ hồng ân Tam-Bảo gia hộ, dưới nhờ sự tận tâm giúp đỡ của tín đồ nên được tồn tại đến ngày nay.

Vì chiến tranh mấy năm liên tiếp vả lại Chùa kiến thiết đã lâu nên đến nay bị hư hại quá nhiều không thể tồn tại được nữa.

Một ngôi tổ đình danh tiếng như thế nếu để hư sập chúng tôi nhận thấy đắc tội với Phật-Tổ và các bậc tiền nhơn công đức, nên chúng tôi phải đứng ra đảm đương tu bổ, nhưng vì tài hèn sức kém, nên chúng tôi thiết tha kêu gọi toàn thể Phật-Tử xa gần hoặc của hoặc công hoan hỷ ủng hộ, để cho việc trùng tu Tổ đình Viên-Thông được thành tựu viên mản thì công đức quý vị thật vô biên vô lượng.

Kính chúc quý vị phước thọ viên mản.

Nay kính,
Trụ-Trì Chùa Viên-Thông
THÍCH-DIỆU KHAI

Thư từ liên lạc xin đề :

Thầy Thích-Diệu-Khai
Chùa Viên Thông
Hộp thư 47 Huế

TIN - TỨC

TIN THẾ-GIỚI

Đài-Bắc. — Đàm-đức-Sum tiên sanh, nhà biên tập Anh-văn của Kim-nhật Phật giáo, vì lòng thành khẩn của lớp thanh niên P.G., đã chọn một số học nghiệp ưu tú cho qua lưu học tại Đại học Mỹ-quốc; Ngày 27 tháng trước đã đáp máy bay qua Mỹ, có nhiều vị Pháp-sư và Cư-sĩ tiễn hành tận phi trường.

Đài-Bắc. — Ông Quân-Áo-Môn, chủ trì hội Tâm-linh-học nước Mỹ, do lòng ngưỡng mộ Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, có gởi thơ nhờ Dương-hạc-Tú cư-sĩ đúc một pho Phật tượng, ngày 4-10-58 đã thỉnh ngài Thái-thượng lão hòa thượng làm lễ An-vị tại chùa Thiện-đạo, pho tượng nầy sẽ rước về Mỹ để nhân sĩ nước ấy được thọ giáo hóa của Phật-giáo.

Đài-Bắc. — Nhơn ngày Khánh-đản Địa-Tạng-Bồ-Tát, Phật-giáo liên-xã ở Điền-Trung mở ba hôm Pháp-hội (từ 28 tháng 7 đến 1 tháng 8 âm-lịch) lễ Phật tụng kinh, cầu nguyện cho chiến sự Kim-môn thắng lợi, thế giới hòa-bình, nhân dân

an lạc. Đạo tràng sắp đặt trang nghiêm, nhân sĩ đến tham dự rất thành kính và vô cùng khen ngợi.

Đài-Bắc.— Đại-nông-trường làng tam-tinh ở Nghi-lan là nơi do cựu-binh sĩ khai khẩn, hiện có hơn 1000 quân nhân giải ngũ ở Đại lục Trung-Hoa về Đài-loan, lưu-trú ở đó, họ đều không có gia quyến và phần đông tín ngưỡng P.G., nên Chơn-Hoa Pháp sư đến đó trù lập Niệm-Phật đạo tràng để tiếp dẫn đồng-bào tại Nông-trường và phổ-biến Phật-hóa.

Mỹ-Quốc.— Theo Nữu-ước Thời báo thì hiện nay Mỹ-quốc Phật-học-viện tại Nữu-ước có công-khai trưng bày 40 bộ Kinh Đại-tạng bằng chữ Tây-tạng do Nhật-bản chụp ảnh in ra. Bộ kinh nầy nguyên bản ở Bắc-kinh đã chụp ảnh ra 300 bộ, mỗi bộ 151 quyển, giá 5.526 mỹ-kim.

Mỹ-Quốc.— Pháp-sư ở Tích-Lan là Na-táp-đạt-ty-Khưu, trước kia đã vài lần diễn giảng tại Mỹ-quốc Phật-học-viện 2 đô thị Nữu-ước và Hoa-thịnh-đốn, nay Ngài có thành lập hội Thuyền-định thật-tu tại hai nơi ấy.

Các vị Thuyền sư nước Mỹ hiện đã mở một cuộc tuyên truyền to lớn về Thuyền học, trên các báo chương, tạp chí và nhiều bài luận đều đăng tải rất nhiều thi văn về thuyền tôn. Hiện nay nhân sĩ Anh, Mỹ đối với Thuyền tôn rất đặt biệt chú ý và theo dõi học tập. Ngoài Thuyền pháp Nhật bản các nhà Thuyền học Mỹ quốc còn sáng lập ra Tân-Tây-phương Thuyền tôn nữa. Học sanh của phái Tân-Thuyền-tôn nầy phải qua một lớp huấn luyện cơ bản về thượng tọa Phật-Pháp mới được vào học tập Đại-thừa Thuyền pháp.

Hàn-quốc.— Ngày Phật-đản năm nay, Trung tâm Phật-giáo nước Đại hàn tại Hán-thành tổ chức nghi lễ rất long trọng có trên 1000 tín đồ làm lễ.

Tại Đại-hàn hiện có 3400 cảnh chùa, 3.900.000 Phật-giáo đồ.